TÒA ÁN NHÂN DÂN
thành phố T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 829/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN thành phố T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Hoàng Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:* ông Trần Đức Sơn.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2657/2022/HNST ngày 26 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly Hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Yến N, sinh năm 1998.

Thường trú: 88/5 ấp L, xã L, huyện L , tỉnh Đ

Địa chỉ: 935/20/12/7 đường H, phường P, Quận 7, thành phố H (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Phước N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 662 K, khu phố N , phường L, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Đặng Thị Yến N trình bày: Bà và ông Trần Phước N tự nguyện kết hôn vào năm 2018 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Sau khi lập gia đình ông bà sống tự lập. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, ông N không chung thủy, từ đó cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên ông bà đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn với ông N

Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 25/12/2018. Sau khi ly hôn bà N giao người con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Phước N mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Đặng Thị Yến N có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án. Ông Trần Phước N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố H.

[2] Về nội dung: Bà Đặng Thị Yến N và ông Trần Phước N tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 162 ngày 02/11/2018 do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T cấp, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, ông N không chung thủy nên thường xuyên cãi vã từ đó làm cho cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn. Hiện nay ông bà đã sống ly thân. Ông Trần Phước N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Điều này cho thấy ông N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không chú tâm đến các yêu cầu của bà N và cũng không có ý thức tôn trọng pháp luật. bà N xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông N không còn, mục đích hôn nhân hiện nay cũng không đạt được, cuộc sống chung

không mang lại hạnh phúc, ông bà cũng đã ly thân và nay bà N xin ly hôn, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà N về việc xin ly hôn với ông N

Về con chung: Căn cứ vào lời trình bày của bà N, giấy khai sinh của người con và chứng cứ được đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ kiện, có cơ sở xác định quá trình sống chung bà N và ông N có 01 người con chung là Trần Gia P, sinh ngày 25/12/2018. Xét hiện tại người con chung đang ở với ông N và theo nguyện vọng của bà N đồng ý giao cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử có cơ sở giao người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 25/12/2018 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định môi trường phát triển và học tập. bà N không cấp dưỡng nuôi con và ghi nhận việc ông N cũng không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, đúng quy định.

Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015. bà N phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Khoản 2 Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Yến N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Yến N được ly hôn ông Trần Phước N.

1.2 Về con chung: Có 01 người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 25/12/2018.

Giao người con chung tên Trần Gia P, sinh ngày 25/12/2018 cho ông Trần Phước N trực tiếp nuôi dưỡng. ông N không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Đương sự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Yến N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0006427 ngày 21/10/2022. bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. ông N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xét xử công khai các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt

.